ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 53 /TB-UBND	*Càng Long, ngày 04 tháng 8 năm 2020*

THÔNG BÁO
Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2020

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Ủy ban nhân dân huyện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2020 ***(kèm các biểu mẫu)*** để các ngành, địa phương và Nhân dân trong huyện nắm.

Giao Phòng Văn hóa - Thông tin huyện đăng tải các nội dung công khai lên Trang tin điện tử huyện theo quy định./.

Nơi nhận:
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP; NCKT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhủ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm			Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020					Tỷ lệ % UTH/DT
		Tổng cộng	Huyện	Xã	Tổng số	NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=6/3
A	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**689.183.000**	**675.746.760**	**13.436.240**	**528.397.688**	**2.089.977**	**33.081.327**	**393.653.730**	**99.572.654**	**76,67**
I	**Thu NSNN theo dự toán**	**54.400.000**	**40.963.760**	**13.436.240**	**33.653.000**	**0**	**0**	**16.675.838**	**16.977.162**	**61,86**
1	Thuế công thương nghiệp	16.690.000	7.929.260	8.760.740	9.097.000	0	0	625.838	8.471.162	54,51
1.1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.400.000	744.000	1.656.000	970.000			64.020	905.980	40,42
1.2	Thuế tài nguyên	20.000	20.000		8.000			8.000	0	40,00
1.3	Thuế giá trị gia tăng	14.180.000	7.075.260	7.104.740	8.073.000			532.818	7.540.182	56,93
1.4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	90.000	90.000		46.000			21.000	25.000	51,11
2	Lệ phí trước bạ	15.500.000	14.159.500	1.340.500	7.653.000			2.295.900	5.357.100	49,37
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	510.000	0	510.000	475.000			0	475.000	93,14
4	Thuế thu nhập cá nhân	11.000.000	11.000.000		7.063.000			7.063.000	0	64,21
5	Thu phí, lệ phí	3.200.000	1.250.000	1.950.000	2.157.000			647.100	1.509.900	67,41
6	Thu khác ngân sách (phạt HC + ATGT)	3.400.000	2.525.000	875.000	4.649.700			3.485.700	1.164.000	136,76
8	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản khác	40.000	40.000		0			0	0	0,00
9	Thuê mặt đất, mặt nước	60.000	60.000		6.300			6.300	0	10,50
10	Thu tiền sử dụng đất	4.000.000	4.000.000		2.552.000			2.552.000	0	63,80
II	**Thu bổ sung từ NS cấp trên**	**634.783.000**	**634.783.000**	**0**	**422.791.790**	**0**	**0**	**357.198.674**	**65.593.116**	**66,60**
1	**Thu bổ sung cân đối**	**545.573.000**	**545.573.000**	**0**	**269.008.880**	**0**	**0**	**227.000.000**	**42.008.880**	**49,31**
1.1	NS huyện	545.573.000	545.573.000		227.000.000			227.000.000		41,61

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm			Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020					Tỷ lệ % UTH/DT
		Tổng cộng	Huyện	Xã	Tổng số	NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	16=6/3
1.2	NS xã - TT	0			42.008.880				42.008.880	
2	**Thu bổ sung mục tiêu**	**89.210.000**	**89.210.000**	**0**	**104.058.000**	**0**	**0**	**84.988.000**	**19.070.000**	**116,64**
2.1	Ngân sách huyện	89.210.000	89.210.000		84.988.000			84.988.000		95,27
2.2	Ngân sách xã	0,0			19.070.000				19.070.000	
3	**Thu bổ sung tạm ứng**				**49.724.910**	**0**	**0**	**45.210.674**	**4.514.236**	
3.1	Ngân sách huyện				45.210.674			45.210.674	0	
3.2	Ngân sách xã				4.514.236				4.514.236	
III	**Các khoản thu không giao dự toán**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**71.952.898**	**2.089.977**	**33.081.327**	**19.779.218**	**17.002.376**	
1	Thu chuyển nguồn	0,0			30.545.287			13.542.911	17.002.376	
2	Thu kết dư ngân sách	0,0			0					
3	Thu hồi các khoản thu - chi năm trước	0,0			6.236.307			6.236.307	0	
4	Các nguồn thu NS TW và tỉnh quản lý (công thương nghiệp ngoài quốc doanh và trái phiếu chính phủ)	0,0			35.171.304	2.089.977	33.081.327	0	0	
B	**Tổng chi NS huyện, xã**	**689.183.000**	**551.916.000**	**137.267.000**	**376.009.252**	**0**	**0**	**322.412.252**	**53.597.000**	**54,56**
B.1	**Chi theo dự toán**	**689.183.000**	**551.916.000**	**137.267.000**	**276.842.000**	**0**	**0**	**223.245.000**	**53.597.000**	**40,17**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**31.065.000**	**31.065.000**	**0**	**55.133.000**	**0**	**0**	**55.133.000**	**0**	**177,48**
1	**Chi đầu tư từ NSĐP**	**25.365.000**	**25.365.000**	**0**	**13.081.000**	**0**	**0**	**13.081.000**	**0**	**51,57**
1.1	Chi đầu tư XDCB theo Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của HĐND tỉnh)	17.365.000	17.365.000		9.079.000			9.079.000		52,28
1.2	Hỗ trợ thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông nông thôn	3.500.000	3.500.000		1.477.000			1.477.000		42,20
1.3	Chi hỗ trợ đầu tư khu hành chính tập trung xã Nhị Long	4.500.000	4.500.000		2.525.000			2.525.000		56,11

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm			Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020					Tỷ lệ % UTH/DT
		Tổng cộng	Huyện	Xã	Tổng số	NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	16=6/3
2	**Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất**	**3.600.000**	**3.600.000**	**0**	**2.400.000**	**0**	**0**	**2.400.000**	**0**	**66,67**
+	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, kể cả công trình xã hội hóa (60%)	2.400.000	2.400.000		2.400.000			2.400.000		100,00
+	Chi trích lập quỹ phát triển đất (30%)	1.200.000	1.200.000		0					0,00
3	**Chi đầu tư từ nguồn vốn XSKT**	**2.100.000**	**2.100.000**		**936.000**			**936.000**		**44,57**
4	**Vốn CT MTQG XD nông thôn mới (42 tỷ)**				**18.913.000**			**18.913.000**		
5	**Chi đầu tư từ nguồn vốn bổ sung (35,273 tỷ)**	**0**			**15.174.000**			**15.174.000**		
6	**Vốn tạm ứng năm trước chuyển sang**	**0**			**2.599.000**			**2.599.000**		
7	**Vốn chuyển nguồn 2019 sang 2020**	**0**			**2.030.000**			**2.030.000**		
II	**Chi thường xuyên**	**648.049.000**	**510.782.000**	**137.267.000**	**221.709.000**	**0**	**0**	**168.112.000**	**53.597.000**	**34,21**
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	46.079.000	46.079.000		15.508.000			15.508.000		33,66
2.2	Chi sự nghiệp văn xã	40.018.000	40.018.000		14.000.000			14.000.000		34,98
2.3	Chi quản lý hành chính (Nhà nước, đảng, đoàn thể)	35.433.000	35.433.000		21.850.000			21.850.000		61,67
2.4	Chi an ninh quốc phòng	3.741.000	3.741.000		2.754.000			2.754.000		73,62
2.5	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo - dạy nghề	316.994.000	316.994.000		110.000.000			110.000.000		34,70
2.6	Chi khác ngân sách	20.403.000	20.403.000		2.500.000			2.500.000		12,25
2.7	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	48.114.000	48.114.000		1.500.000			1.500.000		3,12
2.8	Chi ngân sách cấp xã	137.267.000		137.267.000	53.597.000			0	53.597.000	39,05

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm			Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020					Tỷ lệ % UTH/DT
		Tổng cộng	Huyện	Xã	Tổng số	NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	16=6/3
III	**Chi dự phòng (chưa bao gồm ngân sách cấp xã 1 tỷ 990 triệu đồng)**	**10.069.000**	**10.069.000**		0			**0**		0,00
B.2	**Chi ngoài dự toán**	**0**	**0**	**0**	**99.167.252**	**0**	**0**	**99.167.252**	**0**	
1	Chi trợ cấp cân đối ngân sách cấp xã	0			42.008.880			42.008.880		
2	Chi bổ sung mục tiêu ngân sách cấp xã	0			19.070.000			19.070.000		
3	Chi hoàn trả các khoản thu về thuế	0			898.000			898.000		
4	Chi nộp trả ngân sách cấp trên				32.543.055			32.543.055		
5	Chi tạm ứng	0			4.647.317			4.647.317		

Càng Long, ngày 15 tháng 7 năm 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhủ

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Các cơ quan đoàn thể huyện;
- Lưu./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2020	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSN TRÊN ĐỊA BÀN**	**689.183**	**528.397**	**76,67**	**124,44**
I	**Thu cân đối NSNN**	**54.400**	**33.653**	**61,86**	**113,64**
1	Thu nội địa (trừ 2,8 tỷ NSTW)	54.400	33.653	61,86	113,64
2	Thu viên trợ				
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**30.545**		**50,39**
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**689.183**	**376.009**	**54,56**	**95,39**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**599.973**	**276.842**	**46,14**	**72,32**
1	Chi đầu tư phát triển	59.765	36.220	60,60	123,96
2	Chi thường xuyên	528.149	205.618	38,93	58,24
3	Dự phòng ngân sách	12.059	394	3,27	72,29
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh**	**89.210**	**38.933**	43,64	**342,57**

Càng Long, ngày 15 tháng 7 năm 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG T. TRÀ VINH

Nguyễn Văn Nhủ

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Các cơ quan đoàn thể huyện;
- Lưu./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG

Biểu số 94/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2020	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSN TRÊN ĐỊA BÀN**	**689.183**	**528.397**	**76,67**	**124,44**
I	**Thu nội địa** *(chưa bao gồm 2,8 tỷ NSTW)*	**54.400**	**33.653**	**61,86**	**113,64**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh				
4	Thuế thu nhập cá nhân	11.000	7.063	64,21	144,14
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	15.500	7.653	49,37	110,91
7	Thu phí, lệ phí	3.200	2.157	67,41	132,09
8	Các khoản thu về nhà, đất	4.570	3.033	66,37	109,49
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	510	475	93,14	688,4
-	Thu tiền sử dụng đất	4.000	2.552	63,80	98,15
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	60	6	10,00	5,94
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2020	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
10	Thu khác ngân sách (trừ 2,8 tỷ đồng do NSTW hưởng)	3.400	4.649	136,74	145,28
11	Thu khác tại xã				
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	40			
II	**Thu viện trợ**				
B	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**40.924**	**16.675**	**40,75**	99,82
1	Từ các khoản thu phân chia	26.129	5.472	20,94	77,24
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100% (trừ 2,8 tỷ NSTW hưởng)	14.795	11.203	75,72	116,44

Càng Long, ngày 15 tháng 7 năm 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhủ

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Các cơ quan đoàn thể huyện;
- Lưu./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG

Biểu số 95/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2020	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**689.183**	**376.009**	**54,56**	**95,39**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**599.973**	**276.842**	**46,14**	**72,32**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**59.765**	**36.220**	**60,60**	**123,96**
1	Chi đầu cho các dự án				
2	Chi đầu tư phát triển khác	59.765	36.220	60,60	123,96
II	**Chi thường xuyên**	**528.149**	**205.618**	**38,93**	**58,24**
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề (bao gồm 10% tiết kiệm)	316.994	110.000	34,70	64,71
2	Chi khoa học và công nghệ	295	0	0,00	
3	Chi y tế, dân số và gia đình				
4	Chi văn hóa thông tin	843	422	50,00	29,83
5	Chi truyền thanh	189	95	50,00	27,00
6	Chi thể dục thể thao	450	225	50,00	258,62
7	Chi bảo vệ môi trường				
8	Chi các hoạt động kinh tế	45.469	15.508	34,11	103,39
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	129.909	21.850	16,82	145,67
10	Chi bảo trợ xã hội	30.941	15.471	50,00	96,69
III	**Dự phòng ngân sách**	**12.059**	**394**	**3,27**	72,29

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2020	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**89.210**	**38.933**	**43,64**	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	59.227	22.682	38,30	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	29.983	16.251	54,20	

Càng Long, ngày 15 tháng 7 năm 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhủ

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Các cơ quan đoàn thể huyện;
- Lưu./.